

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● TRƯƠNG THỊ MỸ LIÊN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác lập dự toán ngân sách (DTNS) tại các doanh nghiệp sản xuất (DNSX) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy, ứng dụng công nghệ thông tin, phong cách lãnh đạo, quy mô doanh nghiệp, cơ cấu sở hữu, mức độ tham gia dự toán của người lao động có tác động cùng chiều đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

Từ khóa: dự toán ngân sách, lập dự toán ngân sách, doanh nghiệp sản xuất.

1. Đặt vấn đề

Horngren (2002) cho rằng ngân sách là một tập hợp các kế hoạch liên kết với nhau để mô tả định lượng các hoạt động dự kiến trong tương lai của một đơn vị. Blocher và cộng sự (2010) cho rằng, mục đích cơ bản của DTNS là phục vụ cho việc hoạch định và kiểm tra hoạt động kinh doanh, thông qua đó mà người quản lý đạt được mục tiêu của các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, các DNSX trên địa bàn TP.HCM vẫn chưa thực sự quan tâm, nhận thức đầy đủ tầm quan trọng, vai trò và lợi ích của công tác lập DTNS trong quản lý doanh nghiệp, thậm chí có những doanh nghiệp không có ý định thực hiện công tác lập DTNS trong quá trình hoạt

động. Từ đó dẫn đến tình trạng nguồn lực của doanh nghiệp bị sử dụng lãng phí, mục tiêu hoạt động đặt ra không phù hợp, chất lượng quản lý kém,... Doanh nghiệp không chịu nổi sức ép của thị trường, thậm chí phải rơi vào tình trạng phá sản,... Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện công tác lập DTNS trong các DNSX trên địa bàn TP.HCM là vấn đề cần thiết, giúp các nhà quản lý trong việc điều hành doanh nghiệp.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất

Theo Vanderbeck (2010), DTNS trong kinh doanh là phương pháp chi tiết hóa kế hoạch tài chính, giúp công ty đạt được những mục tiêu ngắn

hạn cũng như dài hạn. Nếu những nguyên tắc của DTNS được thực hiện một cách hợp lý, các công ty có thể yên tâm rằng sẽ sử dụng hiệu quả tất cả nguồn lực của mình và đạt được những kết quả thuận lợi nhất trong thời gian dài. DTNS là những kế hoạch chi tiết. DTNS là sự phối hợp tương tác của việc sử dụng các nguồn lực để tổ chức thực hiện theo các kế hoạch đã đề ra.

Vậy DTNS là việc tính toán các mục tiêu cụ thể, các nguồn lực tài chính cụ thể của doanh nghiệp và được thể hiện ra một hệ thống các chỉ tiêu, bảng biểu. DTNS được xây dựng trên kế hoạch, chi tiết hóa kế hoạch tài chính, giúp doanh nghiệp đạt được những mục tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM như sau:

- Ứng dụng công nghệ thông tin

Theo Ahmad (2003), hệ thống kế toán bằng máy vi tính tác động tích cực đáng kể đến quá trình lập DTNS. Khi doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dự toán ngân sách, thể hiện ở việc trang bị những trang thiết bị kỹ thuật hiện đại thì chúng có thể giúp doanh nghiệp tạo được môi trường làm việc chuyên nghiệp và giúp cho việc thu nhập, xử lý thông tin để lập các dự toán nhanh, chính xác, giúp cho việc thực hiện các công việc trong các giai đoạn chuẩn bị, soạn thảo và kiểm soát việc thực hiện DTNS diễn ra thuận lợi. Bên cạnh đó, phương tiện xử lý thông tin nhanh và hiệu quả nhất là những phần mềm kế toán hiện đại, giúp doanh nghiệp cập nhật dữ liệu, liên kết dữ liệu, kết xuất dữ liệu và cho ra báo cáo dự toán hiệu quả trong thời gian sớm nhất. Việc áp dụng công nghệ thông tin làm cho bộ máy kế toán tinh giản các công việc thủ công hơn. Việc bảo mật, lưu trữ dữ liệu cũng đơn giản hơn.

Giả thiết H1: Ứng dụng công nghệ thông tin tác động cùng chiều đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

- Phong cách lãnh đạo

Theo Blocher và cộng sự (2010), các nhà quản

lý cấp cao thường có tầm nhìn rộng nhưng không quen với chi tiết và ngược lại các nhà quản lý cấp cơ sở tuy nắm vững chi tiết nhưng không có được tầm nhìn bao quát tất cả mọi khía cạnh hoạt động trong doanh nghiệp. Thêm nữa, thái độ của nhà quản lý cấp cao có tác động lớn đến hiệu quả dự toán, còn nhà quản lý cấp cơ sở thì có nhận thức nhạy bén trong việc đặt ra các mục tiêu trong dự toán. Vì vậy, sự phối hợp giữa nhà quản lý cấp cao và nhà quản lý cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một dự toán hiệu quả. Để dự toán đạt hiệu quả, nhà quản lý cấp cao phải xác định được các mục tiêu hợp lý mà tổ chức cần đạt được, đồng thời cố gắng diễn tả một cách chính xác nhất những mục tiêu đó cho những người có trách nhiệm thực hiện hiểu những gì họ cần làm. Có một cách để đạt được điều này là khuyến khích tất cả mọi cấp độ quản lý cùng tham gia vào quá trình dự toán.

Giả thiết H2: Phong cách lãnh đạo tác động cùng chiều đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

- Quy mô doanh nghiệp

Theo Joshi (2003), các doanh nghiệp hoạt động có quy mô càng lớn thì các nhà quản trị thường sử dụng ngân sách định hướng thường xuyên hơn. Các tổ chức này thường thiết lập quá trình ngân sách nhiều hơn, trong đó tầm quan trọng lớn đặt vào việc đáp ứng ngân sách, truyền thông ngân sách và sự tham gia của các nhà quản lý trong hoạt động ngân sách cũng lớn hơn các tổ chức nhỏ. Các doanh nghiệp lớn thì công tác DTNS càng quan trọng nhưng việc lập dự toán phức tạp, chi tiết đòi hỏi phải tổ chức công tác DTNS khoa học. Còn đối với doanh nghiệp nhỏ, việc lập dự toán đơn giản hơn, dễ thực hiện, có xu hướng tập trung vào việc giám sát trực tiếp.

Giả thiết H3: Quy mô doanh nghiệp tác động cùng chiều đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

- Cơ cấu sở hữu

Theo Merchant, K. A. (1981), nếu chủ sở hữu doanh nghiệp đã xác định rõ ràng mối quan hệ với

doanh nghiệp, nghĩa là có sự phân biệt rõ ràng giữa quyền sở hữu và quyền quản lý thì khi đó quy trình lập ngân sách trở nên chính thức, tinh vi và chính xác hơn do ảnh hưởng, cũng như yêu cầu kiểm soát từ phía chủ sở hữu.

Nghiên cứu của Beatrice Njeru Warue và Thuo Vivian Wanjira (2013) tìm thấy các vấn đề khác về cơ cấu sở hữu ảnh hưởng đến dự toán bao gồm: các chính sách rõ ràng và lập kế hoạch dài hạn như được thể hiện trong ngân sách; ý kiến bên ngoài về định hướng chiến lược của doanh nghiệp; quyền lợi và nhiệm vụ của các thành viên trong tổ chức được xác định rõ ràng.

Giả thiết H4: Cơ cấu sở hữu tác động cùng chiều đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

- Mức độ tham gia dự toán của người lao động

Theo Nik Nazli Nik Ahmad (2003) lập luận, vai trò của ngân sách như là một bản kế hoạch của những gì sẽ xảy ra và là tiêu chuẩn để đo lường hiệu suất thực tế, phụ thuộc phần lớn vào cách thức thực hiện, thương lượng các mục tiêu trong dự toán ngân sách, do đó sự tham gia của người lao động có vai trò gắn mục tiêu đó với thực tế tại đơn vị. Nghĩa là khi thực hiện dự toán ngân sách, các thành viên của tổ chức nên được tham gia trong việc xác định rõ ràng các mục tiêu ngân sách. Các thành viên cũng phải tham gia vào các dự toán tiếp theo cho những mục tiêu này với ban quản lý.

Nouri & Parker (1998) cho rằng, mức độ tham gia dự toán ngân sách tạo điều kiện chia sẻ thông tin giữa cấp dưới và cấp trên, giữa cấp trên và cấp dưới trong tham gia ngân sách, góp phần chia sẻ thông tin theo cả hai chiều. Poon (2001) nhận thấy rằng sự tham gia của người lao động vào lập dự toán ngân sách sẽ giúp các nhà quản lý có thể trao đổi thông tin và ý tưởng để lập kế hoạch ngân sách và kiểm soát thực hiện ngân sách hiệu quả hơn.

Giả thiết H5: Mức độ tham gia dự toán của người lao động tác động cùng chiều đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp hỗn hợp. Phương pháp nghiên cứu định tính giúp tác giả khái quát hóa các nghiên cứu trước và hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, đồng thời đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM; thông qua thảo luận chuyên gia để xây dựng được mô hình, thang đo nghiên cứu chính thức và bảng câu hỏi khảo sát để thực hiện nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu định lượng giúp tác giả kiểm định các nhân tố đã được tổng hợp, nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Theo Tabachnick & Fidell (2007), khi dùng hồi quy bội, kích thước mẫu n nên được tính bằng công thức sau: $n \geq 50 + 8p$ (p: số lượng biến độc lập), số mẫu được chọn trong bài nghiên cứu là 209 mẫu là phù hợp.

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM như sau:

$$DTNS = \beta_0 + \beta_1CNTT + \beta_2PCLD + \beta_3QMDN + \beta_4CCSH + \beta_5MDTG + \epsilon$$

Trong đó:

DTNS: Biến phụ thuộc (Công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM)

Các biến độc lập:

+ CNTT: Ứng dụng công nghệ thông tin

+ PCLD: Phong cách lãnh đạo

+ QMDN: Quy mô doanh nghiệp

+ CCSH: Cơ cấu sở hữu

+ MDTG: Mức độ tham gia dự toán của người lao động

+ $\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_5$: Các tham số của mô hình.

+ ϵ : hệ số nhiễu

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi kiểm định độ tin cậy của các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	,812a	,659	,651	,27581

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số R² - hiệu chỉnh = 0,651 > 0,5, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc là công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM và các biến độc lập là ứng dụng công nghệ thông tin, phong cách lãnh đạo, quy mô doanh nghiệp, cơ cấu sở hữu, mức độ tham gia dự toán của người lao động. Ngoài ra, giá trị hệ số R² hiệu chỉnh là 0,651, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 65,1%.

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi quy tuyến tính bội về sự tác động của các nhân tố đến Công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM với các hệ số chuẩn hóa như sau:

$$DTNS = 0,693CNTT + 0,149PCLD + 0,254QMDN + 0,056CCSH + 0,220MDTG$$

Kết luận: Mục đích của nghiên cứu này là xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố

đến Công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM với mức độ tác động theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: ứng dụng công nghệ thông tin, quy mô doanh nghiệp, mức độ tham gia dự toán của người lao động, phong cách lãnh đạo và cơ cấu sở hữu.

4. Kiến nghị

Tác giả đề xuất một số các kiến nghị về sự tác động của các nhân tố đến công tác lập DTNS tại các DNSX trên địa bàn TP.HCM như sau:

- Các nhà quản lý ở các DNSX trên TP.HCM trước hết phải xem trọng công việc lập DTNS, coi việc lập DTNS là công cụ để hoạch định, điều hành và kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra của doanh

Bảng 2. Bảng kết quả các trọng số hồi quy

Coefficients ^a								
Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	tstat	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	Beta	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF	
1	(Constant)	-,141	,332		-,424	,672		
	CNTT	,483	,029	,693	16,425	,000	,943	1,060
	PCLD	,122	,035	,149	3,528	,001	,940	1,064
	QMDN	,220	,036	,254	6,073	,000	,964	1,037
	CCSH	,075	,057	,056	1,317	,000	,932	1,074
	MDTG	,158	,030	,220	5,262	,000	,958	1,044

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

ngành. Trước khi thực hiện dự toán ngân sách, ban giám đốc phải tổ chức họp để phổ biến về mục tiêu được đặt ra của doanh nghiệp, dự toán của năm để các phòng/ban nắm được thông tin và phổ biến, triển khai đến các bộ phận liên quan thu thập thông tin, đưa ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ của mỗi bộ phận. Cuối mỗi quý, các phòng ban tổng hợp lại việc thực hiện các chỉ tiêu thực tế so với dự toán để nắm bắt được tình hình thực hiện dự toán. Bên cạnh đó, lập DTNS đòi hỏi phải có sự huy động các nguồn lực ở các bộ phận khác nhau cùng phối hợp thực hiện một cách đồng bộ, chính xác và kịp thời. Ngoài ra, để công tác lập DTNS đáng tin cậy hơn, công ty cần có kế hoạch đào tạo một số nhân viên trong việc nâng cao chất lượng của dự toán ngân sách bằng việc cho theo học các khóa về kế toán quản trị, về dự toán ngân sách, sau đó hướng dẫn lại cho các bộ phận trong công ty.

- Các DNSX trên địa bàn TP.HCM phải xây dựng phương án đảm bảo kiểm soát, giám sát đầy

đủ các điều kiện vận hành hệ thống kho dữ liệu, như: hạ tầng truyền thông, đường truyền mạng,... các điều kiện về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng.

- Các DNSX trên địa bàn TP.HCM cần căn cứ vào quy mô hoạt động, khối lượng công việc, điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức công tác lập DTNS cho phù hợp với đơn vị.

- Các DNSX trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh cần tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lập DTNS để tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc, doanh nghiệp nên khai thác triệt để ứng dụng của hệ thống mạng nội bộ thông qua việc cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu phục vụ cho công tác dự toán ngân sách. Hơn nữa, vì tính chất tính toán phức tạp của DTNS, các DNSX có thể nghiên cứu dự án mua phần mềm, hoặc thuê các doanh nghiệp chuyên nghiệp viết các phần mềm DTNS phù hợp với tình trạng của doanh nghiệp, cũng như đặc thù của DNSX trong quá trình hoạt động ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ahmad, N. N. N., Sulaiman, M., & Alwi, N. M. (2003). Are budgets useful? A survey of Malaysian companies. *Managerial Auditing Journal*.
2. Beatrice, N. W., & Thou, V. W. (2013). Assessing Budgeting Process in Small and Medium Enterprises in Nairobi Central Business District: A Case Study of Hospitality Industry. *International Journal of Information Technology and Business Management*, 17(1), 1-11.
3. Blocher, E., Stout, D. E., & Cokins, G. (2010). *Cost Management: A Strategic Emphasis*. 1221 Avenue of the Americas. New York, NY, 10020.
4. Joshi, P. L., Al-Mudhaki, J., & Bremser, W. G. (2003). Corporate budget planning, control and performance evaluation in Bahrain. *Managerial Auditing Journal*.
5. Horngren, C. T., Bhimani, A., Datar, S. M., & Foster, G. (2002). *Management and cost accounting*. Harlow: Financial Times/Prentice Hall.
6. Merchant, K. A. (1981). The design of the corporate budgeting system: influences on managerial behavior and performance. *Accounting Review*, 813-829.
7. Nik Nazli Nik Ahmad, Maliah Sulaiman, Norhayati Mohd. Alwi, (2003). Are budgets useful? A survey of Malaysian companies. *Managerial Auditing Journal*, 18(9), 717-724.
8. Nouri, H., & Parker, R. J. (1998). The relationship between budget participation and job performance: The roles of budget adequacy and organizational commitment. *Accounting, Organizations and Society*, 23(5-6), 467-483.
9. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007). *Experimental designs using ANOVA* (p. 724). Belmont, CA: Thomson/Brooks/Cole.

Ngày nhận bài: 3/4/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/5/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/5/2022

Thông tin tác giả:

TRƯƠNG THỊ MỸ LIÊN

Trường Đại học Tài chính - Marketing

**FACTORS AFFECTING THE BUDGETING
PROCESS OF MANUFACTURING ENTERPRISES
IN HO CHI MINH CITY**

● **TRUONG THI MY LIEN**

University of Finance and Marketing

ABSTRACT:

This study determines and measures the influence of factors on the budgeting process of manufacturing enterprises in Ho Chi Minh City. The study's results show that the application of information technology, leadership style, business size, ownership structure, and participation level of employees in the budgeting process all have positive impacts on the budgeting process of manufacturing enterprises in Ho Chi Minh City. Based on the study's results, some solutions are proposed to improve the budgeting process of manufacturing enterprises in Ho Chi Minh City.

Keywords: budget, budgeting, manufacturing enterprises.